TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/DS-ST
Ngày: 24 – 9 – 2024
"Về việc: tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hồ Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Dõng và bà Bùi Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2024/TLST–DS ngày 12 tháng 4 năm 2024, về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 45/2024/TB-TA ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A(Sau đây viết tắt là Ngân hàng A); trụ sở tại: Số 266-268 đường B, phường C, quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông P; chức vụ: chuyên viên; công tác tại: Phòng giao dịch T - Ngân hàng A; trụ sở tại: 62A Đường Đ, phường E, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: ông T, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: xóm 3, Thôn 2, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng A do ông P đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 20/10/2022, ông T và Ngân hàng A - Chi nhánh Bình Thuận đã ký kết, xác lập hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; hợp đồng gồm: 01 giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; 01 bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng. Hợp đồng có các nội dung sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 100.000.000 đồng; mục đích: tiêu

dùng; lãi suất: 2,4%/tháng. Sau đó Ngân hàng A đã cấp thẻ tín dụng số 436438-3505 cho ông T theo nội dung hợp đồng nêu trên. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng số 436438-3505, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 152.846.000 đồng và còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là 83.591.443đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang quá hạn. Hiện nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả 83.591.443đồng nợ gốc và 21.992.244đồng tiền lãi tính đến ngày 24/9/2024 (gồm 14.661.496đồng tiền lãi trong hạn và 7.330.748đồng tiền lãi quá hạn). Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu nào khác trong vụ án.

[2]. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ đầy đủ Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng, tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (Báo Công lý số 57 ngày 17/7/2024, số 58 ngày 19/7/2024 và số 59 ngày 24/7/2024, Cơ quan thường trú Đài Tiếng nói Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh đã phát sóng 03 ngày từ ngày 18 - 20/7/2024). Đến nay, bị đơn ông T vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng và vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của ông T và cũng không tiến hành hòa giải được

[3] Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ghi ngày 20/10/2022 (bản chứng thực); 01 bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A; 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; 01 Thư nhắc nợ lần; 01 bản Điều lệ của Ngân hàng A; 01 bản tóm tắt sao kê của Ngân hàng A.

[4]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của Ngân hàng A; đề nghị xử buộc ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A 83.591.443đồng tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh; buộc ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án; trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông P vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông T đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết và áp dụng pháp luật:

Trong vụ án, chỉ có yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu giải quyết buộc bị đơn ông T trả tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã xác lập vào ngày 20/10/2022; ngoài ra không có yêu cầu nào khác của đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*" căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A, về việc buộc bị đơn anh Lê Thành Tâm trả 83.591.443đồng tiền vay gốc; Hội đồng xét xử nhận định:

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 20/10/2022 mà nguyên đơn cung cấp mà nguyên đơn của nguyên đơn Ngân hàng A đã cung cấp thể hiện: ngày 20/12/2022, Ngân hàng A và bị đơn ông T đã ký kết, xác lập hợp đồng cấp thẻ tín dụng với nội dung: Ngân hàng A phát hành thẻ tín dụng loại Visa Platium cho bị đơn ông T với hạn mức sử dụng thẻ là 100.000.000đồng, mục đích sử dụng để tiêu dùng, mức lãi suất là 2,4%/tháng. Theo đó Ngân hàng A đã cấp thẻ tín dụng số 436438-3505 cho bị đơn ông T theo nội dung hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bị đơn ông Lê Thành Tâm không đến Tòa án làm việc để trình bày lời khai, ý kiến và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình liên quan đến vụ án. Tuy nhiên căn cứ hồ sơ sao kê mà nguyên đơn Ngân hàng A, có đủ cơ sở xác định được: Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng số 436438-3505, bị đơn ông T đã giao dịch qua thẻ với tổng số tiền là 152.846.000đồng, đến ngày 25/03/2024 ông T còn nợ sử dụng thẻ 83.591.443đồng và đến nay chưa thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu bị đơn ông T trả tiền vay gốc là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 nên cần chấp nhận. Do đó, cần xử buộc bị đơn ông T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng A 83.591.443đồng tiền vay gốc.

[3.2]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A, về việc buộc bị đơn ông Lê Thành Tâm trả 21.992.244đồng tiền lãi, tiền phí (gồm 14.661.496đồng tiền lãi trong hạn và 7.330.748đồng tiền lãi quá hạn); Hội đồng xét xử nhận định:

Tại mục "Phần dành riêng cho đơn vị cấp thẻ" trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 20/10/2022 mà nguyên đơn Ngân hàng A đã cung cấp thể hiện: Các bên thỏa thuận mức lãi suất là 28,8%/năm, tương đương với 2,4%/tháng. Tại mục 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín Ngân hàng A đã cung cấp thể hiện: Các bên thỏa thuận trường hợp không thanh toán số tiền tối thiểu đến kỳ thông báo phát hành tiếp theo thì toàn bộ dư nợ sẽ trở nên quá hạn ngay lập tức và chủ thể phải thanh toán, áp dụng mức lãi suất là 150% của lãi suất đang áp dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 25/11/2023. Do đó căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 357 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn ông T có nghĩa vụ trả tiền lãi nguyên đơn Ngân hàng A với mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng, tương ứng với thời gian chậm trả. Vì vậy, yêu cầu trả tiền lãi, tiền phí của nguyên đơn Ngân hàng A là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 357, 463, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017 các các Điều 13, 14 Thông tư số 18/VBHN-NHNN ngày 12/07/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên cần chấp nhận. Theo đó, cần xử buộc bị đơn ông T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng A tổng tiền lãi và phí là 21.992.244đồng.

[4]. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản làm việc ngày 03/7/2024, bên nguyên đơn Ngân hàng A có yêu cầu thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Do đó cần căn cứ khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự: buộc nguyên đơn Ngân hàng A có nghĩa vụ chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà nguyên đơn Ngân hàng A đã nộp.

[5]. Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A được chấp nhận toàn bộ. Do đó cần căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: buộc bị đơn ông T có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án; trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn Ngân hàng A.

[6] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận:

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 357, 463, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017;

- Các Điều 13, 14 Thông tư số 18/VBHN-NHNN ngày 12/07/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A tổng số tiền là 105.583.687đồng *(Một trăm lẻ năm triệu năm trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng)*.

[2]. Về chi phí tố tụng: buộc Ngân hàng A có nghĩa vụ chịu 5.000.000đồng lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; khấu trừ vào 5.000.000đồng đồng tạm ứng lệ phí mà Ngân hàng A đã nộp; sau khi khấu trừ Ngân hàng A đã nộp đủ lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng

[3]. Về án phí:

Buộc ông T có nghĩa vụ nộp 5.279.000đồng *(Năm triệu hai trăm bảy mươi chín ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng A2.167.500đồng *(Hai triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005845, ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 3,6%/tháng (mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng). Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn, bị đơn đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Khánh